

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/HSST
Ngày 30 tháng 8 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Bá Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Thôn
2. Ông Hà Văn Cương

- Thư ký phiên toà:

Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:

Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2021/TLST-HS ngày 29/7/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST - HS ngày 19/8/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã C, huyện S, Sơn La; Nơi tạm trú: Bản H, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Chức vụ, đảng phái: Không; Con ông Không xác định được, con bà Nguyễn Thị P, bố dượng Ngô Văn H; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T và 03 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ 28/12/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên toà.

** Những người bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Thuý V - Sinh năm 1964. Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã C, huyện S, Sơn La. Tạm trú tại: Bản P, xã C, huyện S. Có mặt tại phiên toà.

2. Chị Phạm Thị Phụng - Sinh năm 1969. Trú tại: Bản P, xã C, huyện S, Sơn La. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để buôn bán nông sản và chi tiêu cá nhân, khoảng cuối năm 2018 Nguyễn Thị H đã vay của chị Nguyễn Thị Thúy V số tiền 300.000.000đ hai bên có viết giấy vay nợ thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay là 01 tháng, sau khi vay được tiền H sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, H chưa có tiền trả nên đến xin khất nợ và thống nhất trả lãi suất hàng tháng thì được chị V đồng ý.

Cũng trong khoảng tháng 8 năm 2019, qua tìm hiểu trên trang mạng Youtube, Nguyễn Thị H biết có người nhận làm giấy tờ giả nên đã nảy sinh ý định đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang đi cầm cố thế chấp vay tiền, H để lại số điện thoại của mình, sau đó người nhận làm giấy tờ giả đã liên hệ với H qua trang Zalo cá nhân, qua nói chuyện, người này nói có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 10.000.000đ, nên Hương đã chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình gửi cho người nhận làm giả, đồng thời gửi địa chỉ nơi nhận của H. Khoảng 2 tuần sau H nhận được 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ thường trú: bản H, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: bản H, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; cấp ngày 27 tháng 11 năm 2015, có chữ ký của bà Lê Thị Yến - Chức vụ Chủ tịch UBND huyện Sông Mã qua dịch vụ bưu chính của Bưu điện huyện Sông Mã, H đã thanh toán cho nhân viên giao hàng tổng số tiền 10.080.000đ (trong đó 10.000.000đ là tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, 80.000đ là tiền phí dịch vụ giao hàng).

Đến tháng 11/2019 do vẫn chưa trả được số tiền 300.000.000đ cho chị V, nhưng cần tiền để chi tiêu cá nhân nên H tiếp tục hỏi chị V để vay thêm, chị V yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên ngày 11/11/2019 H đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nói dối với chị V là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình đã rút từ ngân hàng về nên muốn thế chấp cho chị V để vay thêm số tiền 200.000.000đ thì được chị V đồng ý (trước đó H có vay tiền tại ngân hàng và đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận để tiện cho việc theo dõi tiền nợ nên đã đồng ý gộp số tiền nợ 300.000.000đ trước đó cùng vào số tiền 200.000.000đ, tổng số nợ thành 500.000.000đ mức lãi suất là 1,5%/ 1 tháng. H tự làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, một giấy ủy quyền sử dụng đất cho V; sau khi viết giấy tờ tại nhà chị V xong, chị V yêu cầu H phải cho cả chồng H ký vào các giấy tờ nêu trên, H đã mang các giấy tờ về cho chồng là Nguyễn Văn T ký nhưng chỉ nói với T là ký giấy tờ làm thủ tục đáo nợ Ngân hàng, sau khi

được chồng ký tên, H mang các giấy tờ cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả quay lại đưa cho chị V giữ (giấy vay số tiền 300.000.000đ trước đó được chị V xé rồi vứt bỏ trước mặt H). Sau khi nhận được số tiền mặt là 200.000.000đ H gửi dần vào tài khoản Ngân hàng An Bình chi nhánh huyện Sông Mã sử dụng để đánh bạc, đến khoảng cuối tháng 01/2020 thì bị thua hết. Trong thời gian vay H đã trả cho chị V được số tiền lãi là 22.500.000đ (hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Khoảng tháng 02/2020, chị Nguyễn Thị Thúy V đến bảo H thu xếp trả tiền, nhưng H không còn khả năng trả nợ nên nói dối và bảo chị V mang giấy chứng nhận ra Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh Sơn La để làm hồ sơ vay tiền cho H, nếu vay được thì sẽ trả tiền cho chị V, chị V đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội để liên hệ vay thì được phía Ngân hàng thông báo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H đang được thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Sông Mã số tiền 1.500.000.000đ, sau đó chị V đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Sông Mã hỏi thì biết được thông tin trên là đúng. Sau khi biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H thế chấp cho mình có dấu hiệu làm giả, ngày 23/5/2020 chị Nguyễn Thị Thúy V đã làm đơn tố giác gửi Công an huyện Sông Mã để giải quyết.

Cũng trong khoảng tháng 02/2020, Nguyễn Thị H không còn khả năng trả nợ nên tiếp tục nảy sinh ý định đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tài sản thế chấp vay tiền. Do trước đó H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên mình nếu tiếp tục làm giả tên mình sợ sẽ bị phát hiện nên H đã tìm hiểu và biết gia đình bà Nguyễn Thị S trú tại bản Quyết Tiến, xã Nà Nghịu, Sông Mã có một lô đất thổ cư ở mặt đường Quốc lộ 4G thuộc địa phận bản Quyết Tiến, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã. H tìm hiểu qua mạng xã hội và cung cấp diện tích, tứ cạnh xung quanh lô đất của bà S cho người nhận làm giả. Khoảng 02 tuần sau H nhận được 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; Địa chỉ thường trú: Quyết Tiến, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp ngày 27 tháng 7 năm 2016 có chữ ký của bà Lê Thị Yến - Chức vụ Chủ tịch UBND huyện Sông Mã, H đã thanh toán số tiền 10.000.000đ, nhưng H không nhớ chính xác hình thức giao dịch làm ở trang mạng xã hội nào và phương thức nhận giấy tờ. Đến ngày 03/3/2020 H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Thị S đến nhà chị Phạm Thị P tại bản Púng, xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã nói dối là tài sản của gia đình H rồi thế chấp vay số tiền 50.000.000đ, hai bên không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất mà chỉ thỏa thuận là H sẽ phải trả tiền cả gốc và lãi trong thời hạn 20 - 30 ngày, H tự viết giấy vay tiền ký tên đưa

cho chị P giữ. Sau khi vay được tiền, H gửi dần vào tài khoản cá nhân tại Ngân hàng An Bình, rồi chuyển khoản cho chị V số tiền 2.000.000đ để trả tiền lãi, số tiền còn lại H sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi quá thời hạn trả nợ, chị P đến đòi nợ nhiều lần thì H trả được tiền và tài sản được tính thành tiền có giá trị 6.600.000đ, do không đòi được số tiền còn lại, chị P đến gặp bà S hỏi thì được biết là không có việc bà S cho H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay tiền, chị P nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H dùng để thế chấp là giả nên đã đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Mã hỏi thông tin nguồn gốc giấy chứng nhận, sau khi tiếp nhận các thông tin ngày 24/5/2020 chị Phạm Thị P đã làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện Sông Mã để giải quyết.

Đến thời điểm hiện nay Nguyễn Thị H vẫn còn nợ chị Phạm Thị P số tiền 43.400.000đ, nợ chị Nguyễn Thị Thúy V số tiền 500.000.000đ, hiện nay H không còn tài sản, nguồn thu nhập, không có điều kiện, khả năng trả nợ (nhà cửa và đất đai đã sử dụng hết để thế chấp vay tiền tại Ngân Hàng, hiện nay đang nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Sông Mã số tiền 1.000.000.000đ đang trong thời kỳ nợ xấu).

Ngày 23/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã ra Quyết định trưng cầu gửi Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La giám định chữ ký, phôi và hình dấu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hương dùng để thế chấp vay tiền.

Kết luận giám định số 1198 ngày 20/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã kết luận về nội dung giám định như sau:

“1. Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi giám định ký hiệu A1; A2 là phôi giả. Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi giám định ký hiệu A3 là phôi thật.

2. Chữ ký mang tên Lê Thị Yến dưới mục “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ CHỦ TỊCH” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; A2; A3 là chữ ký trực tiếp.

3. Chữ ký mang tên Lê Thị Yến dưới mục “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ CHỦ TỊCH” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; A2 so với chữ ký của Lê Thị Yến trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra; Chữ ký mang tên Lê Thị Yến dưới mục “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ CHỦ TỊCH” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký của Lê Thị Yến trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

4. 05 (năm) chữ ký dưới mục IV phân xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; A3 là chữ ký trực tiếp.

5. 05 (năm) chữ ký tại mục IV phân xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Trần Ngọc Hùng trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra; 05 (năm) chữ ký tại mục IV phân xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký của Trần Ngọc Hùng trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra.

6. Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hương dưới mục “Bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A4; dưới mục “BÊN ỦY QUYỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 và dưới mục “BÊN VAY TIỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Hương trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người viết, ký ra.

7. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Văn Tảo dưới mục “Bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A4; dưới mục “BÊN ỦY QUYỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 và dưới mục “BÊN VAY TIỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ ký của Nguyễn Văn Tảo trên mẫu so sánh ký hiệu M6 có phải do cùng một người ký ra hay không (Vì: chữ ký trên mẫu cần giám định khác dạng với chữ ký trên mẫu so sánh); Chữ viết mang tên Nguyễn Văn Tảo dưới mục “Bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A4; dưới mục “BÊN ỦY QUYỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ viết của Nguyễn Văn Tảo trên mẫu so sánh ký hiệu M6 là do cùng một người viết ra.

8. Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A7 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Hương trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người viết, ký ra.

9. Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ T.SON LA” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; A2; A3 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

10. Hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN SÔNG MÃ” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một con dấu đóng ra”.

Ngày 30/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thị H về các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên Nguyễn Thị H đã bỏ trốn không có mặt tại địa phương, đến ngày 27/12/2020

Nguyễn Thị H bị bắt tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 28/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Nguyễn Thị H về các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, tội Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự, tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, khoản 3 Điều 175, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng - 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 06 năm 06 tháng - 07 năm tù về tội Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; từ 03 năm - 03 năm 06 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tổng hợp hình phạt chung từ 17 năm - 18 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 30; khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 62 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 13, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo trả lại số tiền 500.000.000đ cho chị Nguyễn Thị Thuý V, trả lại số tiền 43.400.000đ cho chị Phạm Thị P.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động.

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị S; 01 giấy vay tiền đề ngày 03/3/2020 Nguyễn Thị H vay 50.000.000đ của Phạm Thị P; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 01 giấy ủy quyền đề ngày 11/11/2019 mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H ủy quyền cho Nguyễn Thị Thuý V; 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 11/11/2019 người cho vay bà Nguyễn Thị Thuý V và bên vay là Nguyễn Thị H.

Buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định. Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại.

Ý kiến của người bị hại Nguyễn Thị Thuý V: Do tin tưởng chị đã cho bị cáo vay số tiền 300.000.000đ khi đến hạn trả bị cáo không trả được và lại vay thêm số tiền 200.000.000đ (lần vay này bị cáo có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), sau đó qua tìm hiểu chị biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Sông Mã, do nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo đã thế chấp cho chị là giả nên chị đã làm đơn tố giác gửi Công an huyện. Chị đề nghị buộc bị cáo trả cho chị số tiền 500.000.000đ.

Ý kiến của người bị hại Phạm Thị P: Ngày 03/3/2020 bị cáo mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị S đến nhà chị nói là tài sản của gia đình rồi thế chấp vay số tiền 50.000.000đ. Khi quá thời hạn trả nợ, chị đến đòi nhiều lần thì bị cáo trả được tiền và tài sản được tính thành tiền có giá trị 6.600.000đ, do không đòi được số tiền còn lại chị đến gặp bà Sáu hỏi thì được biết là không có việc bà Sáu cho bị cáo mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay tiền, chị nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo dùng để thế chấp là giả nên đã đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Mã hỏi thông tin nguồn gốc giấy chứng nhận, sau đó đã làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện Sông Mã để giải quyết. Chị đề nghị buộc bị cáo trả cho chị số tiền 43.400.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật. Nhất trí với nội dung Bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với đơn tố giác ngày 23/5/2020 của chị Nguyễn Thị Thúy V, đơn trình báo ngày 24/5/2020 của chị Phạm Thị P, vật chứng bị thu giữ, kết luận giám định số 1198 ngày 20/7/2020, các biên bản ghi lời khai nhận của bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội, biên bản ghi lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy: Khoảng từ cuối năm 2018 Nguyễn Thị H đã vay của chị Nguyễn Thị Thúy V số tiền 300.000.000đ bằng hình thức hợp đồng dân sự, sau khi vay được tiền H sử dụng tiền để chi tiêu cá nhân và trả lãi suất dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho chị V. Từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2020 H đã đặt làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi dùng thủ đoạn gian dối thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm mục đích chiếm đoạt của Nguyễn Thị Thúy V số tiền 200.000.000đ, của Phạm Thị P số tiền 50.000.000đ (sau đó có thanh toán cho chị P tiền mặt và tài sản có giá trị là 6.600.000đ). Đến 15/7/2020 H bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt vào ngày 27/12/2020 theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của chị Nguyễn Thị Thúy V để vay số tiền 300.000.000đ bằng hình thức hợp đồng dân sự, nhưng đến hạn không có khả năng trả nợ, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt tài sản của chị V. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản - Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi bằng thủ đoạn gian dối, dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay và chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ của chị Nguyễn Thị Thúy V và 43.400.000đ của chị Phạm Thị P. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi cung cấp số liệu cho người khác đặt làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, sau đó dùng giấy tờ giả thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 243.400.000đ của chị Nguyễn Thị Thúy V và chị Phạm Thị P. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội: Sử dụng

tài liệu giả của cơ quan, tổ chức - Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố và Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm trật tự quản lý của nhà nước về con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; ảnh hưởng đến uy tín và sự hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước; làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật, bị nhà nước nghiêm cấm nhưng vì mục đích cá nhân vẫn cố tình thực hiện.

[4] Về các nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên toà những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo - Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt để quyết định một mức hình phạt phù hợp, nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không giữ chức vụ, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thuý V đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 500.000.000đ, chị Phạm Thị P đề nghị buộc bị cáo bồi thường số tiền 43.400.000đ, bị cáo thừa nhận hiện nay bị cáo còn chiếm đoạt số tiền này, do vậy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

[7] Về vật chứng: Đối với vật chứng do chị Nguyễn Thị Thuý V và Nguyễn Thị P cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị S; 01 giấy vay tiền đề ngày 03/3/2020 Nguyễn Thị H vay 50.000.000đ của Nguyễn Thị P;

01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 01 giấy ủy quyền đề ngày 11/11/2019 mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H ủy quyền cho Nguyễn Thị Thúy V; 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 11/11/2019 người cho vay bà Nguyễn Thị Thúy V và bên vay là Nguyễn Thị H cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo loại 1820 là điện thoại bị cáo dùng để giao dịch vay tiền, giao dịch làm giấy tờ giả cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với việc bị cáo khai nhận có sử dụng số tiền chiếm đoạt của các bị hại để đánh bạc: Xét thấy ngoài lời khai nhận và những hình ảnh chụp màn hình tin nhắn nội dung bị cáo đánh bạc với những số thuê bao điện thoại không chính chủ, không còn tài liệu chứng cứ khác để làm rõ được ai là người đánh bạc với bị cáo, không làm rõ được thời gian, địa điểm, không thu giữ được số tiền đã sử dụng để đánh bạc. Vì vậy không có đủ căn cứ để chứng minh xử lý bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quá trình điều tra đã xác định bị cáo đã liên hệ, trao đổi và chuyển thông tin cho người này qua mạng xã hội. Sau khi nhận được giấy tờ giả qua đường bưu chính và trả tiền cho người giao hàng, người làm giấy chứng nhận giả đã hủy kết bạn, xóa toàn bộ nội dung liên quan và không liên lạc được với người đó. Việc giao dịch thực hiện qua dịch vụ bưu chính đã tiến hành xác minh tại Bưu điện huyện Sông Mã nhưng không có kết quả. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để mở rộng điều tra.

Đối với Nguyễn Thị Thúy bị cáo tố giác về hành vi đánh bạc: Quá trình điều tra V không thừa nhận việc đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho bị cáo mà chỉ thừa nhận có bán xổ số kiến thiết nhà nước; không sử dụng số điện thoại mà bị cáo đã cung cấp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã đã tiến hành thu giữ list các số điện thoại của bị cáo và V theo bị cáo cung cấp - Kết quả Tập đoàn Công nghệ Viễn thông Quân đội và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã có công văn trả lời đều xác nhận số điện thoại bị cáo cung cấp đều không đăng ký chính chủ và không có nội dung tin nhắn đánh bạc được lưu trong hệ thống. Tiến hành đối chất giữa V với bị cáo, V không thừa nhận những nội dung bị cáo khai báo. Ngày 29/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ hành vi đánh bạc của V, tuy nhiên quá trình điều tra V vẫn không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo, cùng với hình ảnh chụp màn hình nội dung các tin nhắn qua số điện

thoại không chính chủ, qua tài khoản Zalo mà bị cáo cung cấp không có căn cứ để chứng minh được việc bị cáo mua số lô, số đề với Vui. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để xử lý V về hành vi Đánh bạc theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Văn T là người có chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng đất, giấy ủy quyền và giấy vay tiền giữa bị cáo và chị Nguyễn Thị Thuý V: Quá trình điều tra T khai nhận vào thời gian trên H đứng ra làm hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Sông Mã, việc làm các thủ tục giấy tờ đều do một mình H làm, T chỉ ký nhận mà không đọc nội dung. Việc H vay tiền của V bao nhiêu, vay vào thời điểm nào T không biết và không tham gia. Quá trình thực hiện làm giả giấy tờ mang thế chấp vay tiền của V, H không cho T biết; H giao dịch chuyển tiền chỉ qua tài khoản cá nhân; Khi H cho T ký giấy vay tiền chỉ nói là ký giấy tờ làm thủ tục với Ngân hàng; Bị hại Nguyễn Thị Thuý V cũng thừa nhận việc cho H vay tiền chỉ có V và H thực hiện, nên không có đủ căn cứ chứng minh T là đồng phạm với H.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, khoản 3 Điều 175, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

+ Xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Xử phạt bị cáo 07 năm (bảy) tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

+ Xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng (ba năm sáu tháng) tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung là 18 năm 06 tháng tù (mười tám năm sáu tháng) - Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 28/12/2020).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30; khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 62 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Thúy V số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường cho người bị hại Phạm Thị P số tiền 43.400.000đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo loại 1820.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị S; 01 giấy vay tiền đề ngày 03/3/2020 Nguyễn Thị H vay 50.000.000đ của Phạm Thị P; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 01 giấy ủy quyền đề ngày 11/11/2019 mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H ủy quyền cho Nguyễn Thị Thúy V; 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 11/11/2019 người cho vay bà Nguyễn Thị Thúy V và bên vay là Nguyễn Thị H.

Theo Quyết định chuyển vật chứng 97/QĐ-VKSSM ngày 29/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2021 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 3 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo phải chịu 25.736.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Người bị hại;
- Người bị hại;
- Bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn